

Số: /TM-YTST

Sơn Trà, ngày tháng 2 năm 2025

THƯ MỜI CHÀO GIÁ
V/v Mời chào giá thuốc cho
Trung tâm Y tế quận Sơn Trà năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp thuốc

Trước hết, Trung tâm Y tế quận Sơn Trà xin chân thành cảm ơn các đơn vị kinh doanh, cung cấp thuốc đã hợp tác với bệnh viện trong thời gian qua.

Hiện tại, Trung tâm Y tế quận Sơn Trà có nhu cầu tiếp nhận báo giá để xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Mua sắm bổ sung thuốc cho Trung tâm Y tế quận Sơn Trà trong thời gian chờ kết quả đấu thầu thuốc tập trung tại Sở Y tế giai đoạn năm 2024–2026”.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: TTYT quận Sơn Trà
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: DS Đoàn Phước Thanh. Số điện thoại liên hệ: 0984.898.046 tiếp tại Tầng 8, phòng Hành chính Dược.
- Địa chỉ: 1118 Ngô Quyền, phường An Hải Nam, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 16h00 ngày 17 tháng 02 năm 2025 đến trước 08h ngày 28 tháng 02 năm 2025. Các bảng báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 17 tháng 02 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Chi tiết danh mục yêu cầu báo giá tại Phụ lục I đính kèm.
- Hồ sơ chào giá phải được bỏ vào phong bì, niêm phong kín để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc mời chào giá; bên ngoài phong bì phải ghi rõ nội dung là “**CHÀO GIÁ THEO THƯ MỜI SỐ: /TM-YTST**” để tiện theo dõi.
- Hồ sơ gồm:
 - Bảng chào giá (Theo mẫu phụ lục đính kèm)
 - Đính kèm các tài liệu liên quan (nếu có)

Lưu ý: Giá chào đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có).

Trung tâm Y tế quận Sơn Trà chỉ tiếp nhận và tổng hợp thông tin đối với các báo giá đáp ứng tất cả yêu cầu nêu tại Thông báo này.

Trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Đình Hoài

thanhdp2-17/02/2025 16:53:05-thanhdp2-thanhdp2-thanhdp2

PHỤ LỤC I: DANH MỤC THUỐC MUA SẴM NĂM 2025 THUỐC GENERIC

(Đính kèm Thư mời số: /TM-YTST ngày /02/2025 của Trung tâm Y tế quận Sơn Trà)

STT	Mã hoạt chất TT20	Gói thuốc - Nhóm thuốc	Tên hoạt chất Thông tư 20/2022/TT-BYT hoặc 05/2015/TT-BYT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng
1	5	N1	Diazepam	5mg/ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	500
2	7	N1	Fentanyl	0,1mg/2ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	2,000
3	12	N4	Lidocain hydroclodrid	40mg/2ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	12,000
4	13	N1	Lidocain + epinephrin (adrenalin)	36mg + 18,13mcg/1,8 ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	3,500
5	16	N4	Morphin	10mg/ml x 1ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	100
6	18	N1	Pethidin	100mg/2ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	180
7	23	N1	Sevoflurane	100%/250ml	Đường hô hấp	Dung dịch gây mê đường hô hấp	50
8	30	N4	Rocuronium	50mg/5ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	100
9	43	N1	Ibuprofen	400mg	Uống	Viên	10,000
10	48	N4	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên	4,000
11	56	N1	Paracetamol	150mg	Đặt trực tràng	Viên	5,000
12	56	N4	Paracetamol	1g/100ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	10,000
13	58	N4	Paracetamol; Codein Phosphat	500mg; 15mg	Uống	Viên	20,000
14	103	N4	Diphenhydramin hydroclorid	10mg/ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	2,000
15	105	N4	Epinephrin (adrenalin)	1mg/ 1ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	500
16	168	N4	Amoxicilin	500mg	Uống	Viên	10,000
17	169	N2	Amoxicilin + acid clavulanic	1g + 0,2g	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	2,000
18	169	N3	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg + 125mg	Uống	Viên	30,000
19	169	N4	Amoxicilin + acid clavulanic	500mg + 62,5mg	Uống	Viên	20,000

20	185	N4	Cefoperazon	2g	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	1,000
21	186	N4	Cefoperazon + sulbactam	1g + 1g	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	10,000
22	189	N4	Cefoxitin	1g	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	2,000
23	208	N4	Penicilin V (dạng Penicilin V kali 653,6mg)	1.000.000 IU	Uống	Viên	20,000
24	213	N4	Gentamicin	40mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	5,000
25	221	N4	Metronidazole	1% x 15g	Dùng ngoài	Tuýp	50
26	233	N2	Ciprofloxacin	400mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	1,000
27	234	N4	Levofloxacin	500mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	5,000
28	237	N4	Acid nalidixic	500mg	Uống	Viên	4,000
29	241	N5	Sulfadiazin bạc	1% x 20g	Dùng ngoài	Tuýp	500
30	245	N4	Sulfamethoxazol + trimethoprim	400mg + 80mg	Uống	Viên	35,000
31	247	N4	Doxycyclin	100mg	Uống	Viên	4,000
32	280	N4	Aciclovir	400mg	Uống	Viên	2,000
33	280	N4	Aciclovir	800mg	Uống	Viên	2,000
34	280	N4	Aciclovir	5%; Tuýp 20g	Dùng ngoài	Tuýp	400
35	301	N4	Ketoconazole	2% x 10g	Dùng ngoài	Tuýp	100
36	427	N3	Alfuzosin	5mg	Uống	Viên	10,000
37	451	N1	Ferrous Sulfate + Acid folic	50mg sắt + 0,35mg acid folic	Uống	Viên	10,000
38	458	N4	Phytomenadion (vitamin K1)	1mg/1ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	300
39	474	N1	Poly-(O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4); Natri acetat trihydrat; Natri clorid; Kali clorid; Magnesi clorid hexahydrat	(30g; 2,315g; 3,01g; 0,15g; 0,15g)/500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	40
40	494	N4	Amiodaron hydroclorid	150mg/3ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	1,000
41	494	N1	Amiodarone hydrochloride	200 mg	Uống	Viên	500

42	503	N3	Amlodipin + Lisinopril	5mg + 10mg	Uống	Viên	20,000
43	511	N1	Bisoprolol fumarat	5mg	Uống	Viên	2,000
44	512	N2	Bisoprolol + Hydrochlorothiazid	5mg + 12,5mg	Uống	Viên	20,000
45	513	N4	Candesartan	4mg	Uống	Viên	30,000
46	514	N4	Candesartan + hydrochlorothiazid	8mg + 12,5mg	Uống	Viên	20,000
47	521	N3	Enalapril	5mg	Uống	Viên	20,000
48	522	N2	Enalapril + hydrochlorothiazid	10mg + 25mg	Uống	Viên	20,000
49	535	N3	Losartan potassium + hydrochlorothiazid	100mg + 25mg	Uống	Viên	30,000
50	535	N4	Losartan+ Hydrochlorothiazid	100mg+ 12,5mg	Uống	Viên	30,000
51	536	N4	Methyldopa	250mg	Uống	Viên	200
52	537	N1	Metoprolol succinat	23,75mg (tương đương với 25mg metoprolol tartrat hoặc 19,5mg metoprolol)	Uống	Viên	4,000
53	545	N1	Ramipril	2,5mg	Uống	Viên	10,000
54	548	N2	Telmisartan	40mg	Uống	Viên	30,000
55	553	N4	Digoxin	0,25mg/ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	60
56	573	N3	Arovastatin	20mg	Uống	Viên	4,000
57	633	N4	Oxy già 3%	3%	Dùng ngoài	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	1,500
58	664	N4	PVP-IODINE 10%	10%/90ml	Dùng ngoài	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	2,000
59	675	N1	Famotidin	40mg	Uống	Viên	500
60	678	N4	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	(800,4mg + 611,76mg)/ 10ml	Uống	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	40,000
61	679	N4	Nhôm hydroxyd + Magnesium hydroxyd + Simethicon	400mg + 400mg + 30mg	Uống	Viên	30,000
62	683	N4	Esomeprazol	40mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	3,000
63	691	N4	Domperidon	1mg/ml; 30ml	Uống	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	500
64	697	N2	Simethicone + Alverine	300mg,60mg	Uống	Viên	20,000

			citrate				
65	713	N4	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	(417mg + 95mg)/1ml; 45ml	Uống	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	300
66	714	N4	Sorbitol	5g	Uống	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	4,000
67	717	N4	Bacillus subtilis	≥ 10 mũ 8 CFU	Uống	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	10,000
68	718	N4	Bacillus clausii	2 tỷ bào tử	Uống	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	20,000
69	724	N4	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	50mg	Uống	Viên	30,000
70	728	N4	Racecadotril	10mg	Uống	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	400
71	731	N1	Diosmin	500mg	Uống	Viên	10,000
72	739	N4	Simethicon	Mỗi gói 1,2ml chứa: 80mg	Uống	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	30,000
73	755	N2	Methyl prednisolon	40mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	1,000
74	755	N1	Methyl prednisolon	40mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	600
75	780	N3	Glibenclamide + Metformin hydrochloride	5mg + 1000mg	Uống	Viên	20,000
76	781	N3	Gliclazid	80mg	Uống	Viên	20,000
77	787	N5	Insulin glargine	100 đơn vị/ 1ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	400
78	817	N2	Eperisone	50mg	Uống	Viên	2,000
79	822	N4	Thiocolchicosid	4mg/2ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	20,000
80	854	N4	Natri clorid	0,9%/10ml	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	4,000
81	856	N4	Natri hyaluronat	1mg/1ml. Ống 0,4ml	Nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	2,000
82	889	N1	Oxytocin	5IU/1ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	2,000
83	894	N4	Salbutamol sulfat	5mg/2,5ml	Đường hô hấp	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	2,000
84	923	N4	Sulpirid	50mg	Uống	Viên	1,000
85	928	N2	Amitriptilin	25mg	Uống	Viên	2,000
86	939	N1	Acetyllecine	500mg	Uống	Viên	20,000

87	939	N1	Acetylleucine	500mg/5ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	400
88	940	N1	Cerebrolysin	215,2mg/ml, ống 10ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	250
89	947	N4	Mecobalamin	500mcg/ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	500
90	949	N2	Piracetam	3g/15ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	20,000
91	953	N5	Budesonid	0,5mg	Đường hô hấp	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	1,000
92	969	N4	Bromhexin hydroclorid	4mg	Uống	Viên	20,000
93	970	N4	Carbocistein	750mg	Uống	Viên	20,000
94	977	N4	Acetylcystein	200mg	uống	Viên	1,000
95	997	N4	Natri clorid	0,9%/500ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	6,000
96	997	N2	Natri clorid	0,9%/500ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	3,000
97	997	N4	Natri clorid	0,9% x 100ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	2,000
98	1005	N4	Calci carbonat	625mg	Uống	Viên	50,000
99	1006	N2	Calci carbonat + calci gluconolactat	300mg + 2.940mg	Uống	Viên	20,000
100	1007	N1	Calci carbonat + vitamin D3	1250mg + 400IU	Uống	Viên	15,000
101	1008	N4	Calci lactat	500mg/10ml; ≥10ml	Uống	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	20,000
102	1024	N4	Vitamin B1 + B6 + B12	250mg + 250mg + 1000mcg	Uống	Viên	20,000
103	1029	N4	Vitamin B6 + Magnesi lactat dihydrat	(5mg + 470mg)/10ml	Uống	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	20,000
104	1030	N4	Vitamin B12	1mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống/ gói	2,000
105	Ngoài	N4	Mifepristone	200mg	Uống	Viên	100
106	Ngoài	N3	Clopidogrel	75mg	Uống	Viên	10,000

PHỤ LỤC II: DANH MỤC MUA SẴM THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Đính kèm Thư mời số: /TM-YTST ngày /02/2025 của Trung tâm Y tế quận Sơn Trà)

STT	Mã hoạt chất theo TT 19	Gói thuốc - Nhóm thuốc	Tên hoạt chất Thông tư 20/2022/TT-BYT hoặc 05/2015/TT-BYT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng
1	17	N3	Bạch mao căn, Đương quy, Kim tiền thảo, Xa tiền tử, Ý dĩ, Sinh địa.	Cao đặc hỗn hợp dược liệu (tương đương với: Kim tiền thảo 3,2g; Xa tiền tử 0,8g; Bạch mao căn 0,8g; Đương quy 0,8g; Sinh địa 0,8g; Ý dĩ 0,4g) 700 mg	Uống	Viên	50,000
2	18	N3	Bạch thực, Bạch truật, Cam thảo, Diệp hạ châu, Đương quy, Đảng sâm, Nhân trần, Phục linh, Trần bì	0,6g + 0,6g + 0,6g + 1,2g + 0,6g + 1,2g + 1,2g + 0,6g + 0,6g	Uống	Viên	20,000
3	32	N3	Diệp hạ châu, Bồ bồ, Chi tử	125mg + 100mg + 25mg	Uống	Viên	30,000
4	278	N3	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Bạch thực/Xích thực), (Hồng hoa), (Đan sâm).	120mg; 240mg (400mg, 400mg, 300mg, 300mg)	Uống	Viên	50,000
5	352	N3	Bột chiết bèo hoa dâu	250mg	Uống	Viên	40,000

Tên cơ sở:
Địa chỉ:
Mail:
Người liên hệ:
Số điện thoại:

BÁO GIÁ
Tên gói thầu:

Kính gửi: Trung tâm Y tế quận Sơn Trà

Trên cơ sở Thư mời số : /TM-YTST ngày tháng năm 2025 của Trung tâm Y tế quận Sơn Trà, chúng tôi báo giá như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa liên quan:

STT	Mã hoạt chất	Gói thuốc - Nhóm thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	SĐKhoặc sốGPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá đã bao gồm VAT(Đồng)	Giá kê khai/ kê khai lại	Ngày kê khai/ kê khai lại	Đơn vị kê khai/ kê khai lại	Đơn vị báo giá	Ghi chú
1																		
2																		
3																		
...																		

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng :..... ngày (ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày), kể từ ngày kết thúc nhận báo giá ngày tháng năm 2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng.....năm 2025
Đại diện hợp pháp của cơ sở